TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THƯỜNG TÍN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31/01/2023
V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Kim Vân

Ông Dương Minh Khương

Thư ký phiên toà: Bà Vũ Hà Anh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 203/2022/TLST-HNGĐ ngày 04/10/2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2022/QĐXX-ST ngày 26 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12/01/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị L**– sinh năm 1990 (*có mặt)*

Nơi đăng ký thường trú và trú tại: thôn L, xã M, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: **Anh Trần Văn T** - sinh năm 1989 *(vắng mặt)*

Nơi đăng ký thường trú và trú tại: thôn L, xã M, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 30/8/2022 và các văn bản tiếp theo, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị và anh Trần Văn T được tự do, tự nguyện tìm hiểu và về chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 16/02/2011 tại UBND xã M, huyện Thường Tín,

Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn L, xã M, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngay từ khi mới kết hôn, nguyên nhân do anh T chơi bời, sử dụng ma túy, không chăm lo kinh tế trong gia đình cùng vợ. Chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi. Khoảng 03 tháng nay, chị L dọn ra ngoài sống, vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau. Chị nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không có khả năng quay về đoàn tụ, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Chị và anh T có một con chung là cháu Trần Đình H, sinh ngày 13/5/2013. Ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu H, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay, chị kinh doanh tự do, bán hàng online trên mạng xã hội có mức thu nhập khoảng 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng/01 tháng. Sau khi ly hôn chị có chỗ ở ổn định là sống cùng nhà với bố mẹ đẻ tại xã S, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.

Về tài sản chung, nợ chung: vợ chồng chị không tranh chấp gì về tài sản chung, nợ chung và chị L không yêu cầu Tòa án xem xét.

Bị đơn là anh Trần Văn T: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Thường Tín đã nhiều lần tống đạt các văn bản tố tụng triệu tập, thông báo cho anh Trần Văn T đến Tòa án để làm việc nhưng anh T vắng mặt nhiều lần không có lý do. Do đó Tòa án không lấy được lời khai của anh T.

Tại phiên toà:

+Chị L vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày

+Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín có quan điểm:

-Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng; Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình.

-Về nội dung: chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Trần Văn T. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Đình H sinh ngày 13/5/2013 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đến khi đương sự có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác. Anh T có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: các bên đương sự không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và của Đại diện Viện Kiểm sát; sau khi nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật giải quyết của vụ án là "Tranh chấp ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28- Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39- Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Văn T đã được tống đạt hợp L Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227- Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 16/02/2011 tại UBND xã M, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Tuy không lấy được lời khai của anh T nhưng qua xác minh của gia đình hai bên, chính quyền địa phương nơi anh chị chung sống thì chị L và anh T hiện đã sống ly thân nhiều tháng nay. Vợ chồng anh chị nhiều lần sống ly thân và quay lại chung sống nhưng không hạnh phúc. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thường Tín đã nhiều lần thông báo hòa giải cho các đương sự nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng anh chị không hạnh phúc, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị L là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ vào các Điều 51, 56 - Luật hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Trần Văn T.

[4] Về con chung: chị L và anh T có một con chung là cháu Trần Đình Hiếu sinh ngày 13/5/2013. Quan điểm của chị L là xin trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh T vắng mặt không có quan điểm về việc nuôi con. Nguyện vọng của cháu H muốn sống cùng mẹ. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con, Hội đồng xét

xử giao cháu Trần Đình H sinh ngày 13/5/2013 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L, anh T không tranh chấp và không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không xét. Trường hợp các bên có yêu cầu và phát sinh tranh chấp thì dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác.

[6]Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và điểm a khoản 5- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

[7]Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

***Áp dụng*:**

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điều 26- Luật thi hành án dân sự năm 2008.

- Điểm a khoản 5- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

***Xử*:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị L. Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Đình H sinh ngày 13/5/2013 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L, anh T không tranh chấp và không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không xét. Trường hợp các bên có yêu cầu và phát sinh tranh chấp thì dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp tại biên lai số AA/2020/0023015 ngày 30/9/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Trần Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định của tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng;
-TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Thường Tín, TP Hà Nội;
-Chi cục THA huyện Thường Tín;
- UBND xã M, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội;
- Lưu HS vụ án.

Trần Thị Thu Hiền